

Đánh giá Tác động của vụ Tràn  
Dầu Vùng Vịnh đối với các Cá  
nhân và Doanh nghiệp và Sơ đồ  
Đền bù Đề xuất

# Chương trình nghị sự

- Tác động của vụ tràn dầu đối với khai thác đánh bắt cá
- Đánh giá tác động và tính bền vững của tác động của tràn dầu đối với nền kinh tế Vùng Vịnh
- Phân tích các khoản thanh toán của GCCF cho những người yêu cầu bồi thường
- Tốc độ phục hồi du lịch
- Phương pháp Đền bù

# Kết luận chung:

- Hầu hết vùng nước đã được mở cửa trở lại cho tất cả các loại hình khai thác
- Tác động đối với kinh tế Vùng Vịnh
  - Tác động đáng kể lên nền kinh tế trong năm 2010
  - Dấu hiệu phục hồi bắt đầu vào mùa thu (Tháng Chín và Tháng Mười)
- Các khoản thanh toán của GCCF
  - Tỷ lệ phần trăm rất lớn các khoản thanh toán dành cho những người yêu cầu bồi thường bị thiệt hại tại các hạt ven biển
  - Các khoản thanh toán có vẻ hợp lý cho số người yêu cầu bồi thường, vị trí của họ và số tiền trung bình được thanh toán
    - Rất ít người yêu cầu bồi thường từ Texas
- Sự phục hồi kinh tế hoàn toàn có thể trong vòng 2 đến 3 năm (tại mức 2,5 năm, hệ số phục hồi tương lai là 1,0)

# Kết luận: Khai thác nghề cá

- vùng nước kín
  - Ban đầu gần 40% vùng nước kín
  - Hiện tại dưới 1% vùng nước kín đối với nghề cá
- Tỷ lệ phần trăm lượng cá đánh bắt lịch sử tại các vùng nước kín
  - Dưới 5% tại các vùng nước kín (trừ con hào)
  - 8% đối với hào
- Thay đổi về khai thác đánh bắt tôm trong suốt năm 2010
  - Trước khi tràn dầu – xuống 24%
  - Sau khi tràn dầu
    - Tháng Sáu đến Tháng Tám – xuống 38%
    - Tháng Chín đến Tháng Mười – xuống 6%
    - Mùa tôm Louisiana được kéo dài
    - Giá cao hơn đồng loạt 20% đến 40%

# vùng nước kín: Liên bang và Tiểu bang, theo Tháng năm 2010

THÁNG	LIÊN BANG	ALABAMA	FLORIDA	LOUISIANA	MISSISSIPPI
Tháng Năm	3%	0%	0%	0%	0%
Tháng Sáu	37%	5%	0%	55%	25%
Tháng Bảy	34%	40%	2%	45%	95%
Tháng Tám	24%	40%	2%	30%	95%
Tháng Chín	18%	0%	2%	20%	0%
Tháng Mười	11%	0%	2%	10%	0%
Tháng Mười một	0,4%	0%	0%	1,5%	0%
Tháng Mười hai	0,4%	0%	0%	1,5%	0%

# Tỷ lệ phần trăm lượng đánh bắt 2009 tại các vùng nước kín đối với nghề cá: Tháng Chín năm ngoái đến hiện tại

% lượng đánh bắt 2009 tại vùng nước kín vào ngày 22-9-2010				
Tiểu bang	Tôm	Cá voi lưng xám	Hàu	Cua
Alabama	23,4%	12,2%	0,0%	0,0%
Florida	2,0%	6,9%	0,6%	1,7%
Louisiana	19,3%	9,5%	38,4%	11,9%
Mississippi	32,5%	0,2%	97,0%	0,0%
Texas	1,7%	0,0%	0,0%	0,0%
<b>Tổng cộng</b>	<b>12,3%</b>	<b>7,1%</b>	<b>34,7%</b>	<b>7,6%</b>
% lượng đánh bắt 2009 tại vùng nước kín Hiện tại				
Tiểu bang	Tôm	Cá voi lưng xám	Hàu	Cua
Alabama	1,2%	0,4%	0,0%	0,0%
Florida	1,3%	4,9%	0,0%	0,0%
Louisiana	3,8%	5,2%	11,5%	3,8%
Mississippi	2,6%	0,0%	0,0%	0,0%
Texas	0,1%	0,0%	0,0%	0,0%
<b>Tổng cộng</b>	<b>1,8%</b>	<b>4,3%</b>	<b>7,9%</b>	<b>2,2%</b>

## Thay đổi về khai thác đánh bắt tôm: Trung bình 2008/2009 đến Thực tế 2010, theo Tiểu bang

Tiểu bang	Tháng Một đến Tháng Năm	Tháng Sáu đến Tháng Tám	Tháng Chín đến Tháng Mười
Alabama	50%	-94%	-64%
Florida	18%	39%	-6%
Louisiana	-56%	-47%	-3%
Mississippi	-29%	-88%	6%
Texas	24%	-9%	9%
Tổng cộng	-24%	-38%	-6%

# Kết luận: Tác động và Tính bền vững của Tràn Dầu đối với nền Kinh tế Vùng Vịnh

- Khách sạn tại bãi biển
  - Đi xuống từ lúc trước khi tràn dầu đến lúc sau khi tràn dầu
  - Phục hồi đáng kể vào mùa thu (Tháng Chín và Tháng Mười)
- Chỉ số du lịch
  - Lượng người đến tại sân bay – không có ảnh hưởng rõ ràng
  - Doanh số trò chơi
    - Không có ảnh hưởng rõ ràng
    - Tăng lên vào mùa thu
  - Bán hàng và doanh số thuế bán hàng
    - Các hạt ven biển của Mississippi – không có ảnh hưởng rõ ràng (thực tế là tăng, sau đó tiếp tục tăng vào mùa thu)
    - Florida – giảm nhẹ sau khi tràn dầu đối với tất cả các lĩnh vực
    - Texas – tăng nhẹ sau khi tràn dầu



# Kết luận: Tác động và Tính bền vững của Tràn Dầu đối với nền Kinh tế Vùng Vịnh (tiếp theo)

- Chỉ số du lịch (tiếp theo)

- Alabama- giảm đáng kể sau khi tràn dầu; phục hồi đáng kể vào mùa thu
- Florida, Clearwater/St. Petersburg – không có ảnh hưởng rõ ràng của vụ tràn dầu; giảm đáng kể vào mùa thu
- Florida, Naples – giảm sau khi tràn dầu, phục hồi đáng kể vào mùa thu

## Doanh thu Khách sạn tại Bãi biển: Trước và Sau Tràn Dầu – Tốc độ Tăng trưởng từ năm 2009

Khu vực Bãi biển	Tháng 1 – Tháng 5	Tháng 6 – Tháng 8	Tháng 9 – Tháng 10
Florida Panhandle	1,6%	-13,4%	1,0%
Florida Bờ biển Phía tây	1,6%	1,7%	8,9%
Hạt Collier (gồm Naples)	6,6%	-2,2%	5,4%
Alabama	15,4%	-26,8%	15,1%
Mississippi	16,8%	-5,5%	8,1%
<b>Tổng cộng</b>	<b>3,0%</b>	<b>-3,8%</b>	<b>6,9%</b>

<b>Tổng Các khu vực Kiểm soát</b>	<b>12,1%</b>	<b>6,7%</b>	<b>7,3%</b>
-----------------------------------	--------------	-------------	-------------

## Thay đổi Phần trăm Số lượng Khách đến Sân bay: Trung bình 2008/2009 đến 2010

Khu vực	Tháng 1 – Tháng 5	Tháng 6 – Tháng 9
<b>Những vùng dự tính chịu ảnh hưởng nhiều nhất</b>		
Florida Panhandle	-6%	7%
Alabama	-5%	-3%
Mississippi	-4%	8%
Louisiana	-1%	6%
<b>Tổng phụ, những vùng dự tính chịu ảnh hưởng nhiều nhất</b>	<b>-3%</b>	<b>6%</b>
<b>Những vùng dự tính chịu ảnh hưởng thấp nhất</b>		
Florida Bờ biển Phía tây	-8%	-2%
Texas	-6%	0%
<b>Tổng phụ, những vùng dự tính chịu ảnh hưởng thấp nhất</b>	<b>-6%</b>	<b>-1%</b>
<b>Tổng số các hạt bờ biển</b>	<b>-6%</b>	<b>0%</b>
<b>Khu vực kiểm soát (Florida Bờ biển Phía Đông)</b>	<b>-3%</b>	<b>2%</b>

# Doanh số Trò chơi: Trung bình 2008/2009 đến 2010 – Mississippi và Louisiana

<b>Tiểu bang</b>	<b>Tháng 1 – Tháng 5</b>	<b>Tháng 6 – Tháng 8</b>	<b>Tháng 9 – Tháng 10</b>
Mississippi	-8.79%	-8.91%	1.22%
Louisiana	-7.95%	-6.47%	-0.84%

## Thay đổi Doanh số Gộp cho các Lĩnh vực Lựa chọn: 2009 đến 2010 – Các Hạt Ven biển của Mississippi

Vùng được chọn	Tháng 1 – Tháng 5	Tháng 6 – Tháng 8	Tháng 9 – Tháng 10
<b>Doanh số Hancock</b>			
Nhà hàng	-4%	9%	11%
Quán Bar	1%	12%	22%
Khách sạn	-14%	2%	4%
<b>Tổng phụ, Doanh số Hancock</b>	<b>-6%</b>	<b>8%</b>	<b>11%</b>
<b>Doanh số Harrison</b>			
Nhà hàng	1%	10%	14%
Quán Bar	2%	8%	4%
Khách sạn	14%	14%	21%
<b>Tổng phụ, Doanh số Harrison</b>	<b>3%</b>	<b>10%</b>	<b>13%</b>
<b>Doanh số Jackson</b>			
Nhà hàng	-5%	6%	9%
Quán Bar	-21%	-20%	-17%
Khách sạn	16%	40%	50%
<b>Tổng phụ, Doanh số Jackson</b>	<b>-3%</b>	<b>11%</b>	<b>14%</b>
<b>Tổng các Hạt Bờ biển của Mississippi</b>	<b>1%</b>	<b>10%</b>	<b>13%</b>

## Thay đổi Phần trăm Doanh thu Thuế Bán hàng cho Ngành Dịch vụ Nhà ở: Trung bình 2008/2009 đến 2010 – Các địa điểm của Florida

<b>Địa điểm</b>	<b>Tháng 1 – Tháng 5</b>	<b>Tháng 6 – Tháng 9</b>
Panhandle	0%	-14%
Collier (Naples)	-4%	-8%
Hillsborough (Tampa)	-15%	3%
Các hạt bờ biển phía tây khác	-4%	1%
Các hạt Florida khác	-6%	5%

## Thay đổi Phần trăm Doanh thu Thuế Bán hàng cho ngành Nhà hàng: Trung bình 2008/2009 đến 2010 – Các địa điểm của Florida

Địa điểm	Tháng 1 – Tháng 5	Tháng 6 – Tháng 9
Panhandle	-1%	-3%
Collier (Naples)	2%	0%
Hillsborough (Tampa)	-1%	2%
Các hạt bờ biển phía tây khác	-2%	0%
Các hạt Florida khác	0%	2%

# Thay đổi Phần trăm Doanh thu Thuế Bán hàng cho ngành Giải trí: Trung bình 2008/2009 đến 2010 – Các địa điểm của Florida

<b>Địa điểm</b>	<b>Tháng 1 – Tháng 5</b>	<b>Tháng 6 – Tháng 9</b>
Panhandle	-8%	-8%
Collier (Naples)	9%	14%
Hillsborough (Tampa)	-11%	-3%
Các hạt bờ biển phía tây khác	4%	10%
Các hạt Florida khác	-2%	8%



## Thay đổi Phần trăm Doanh thu Thuế Bán hàng cho ngành Xây dựng: Trung bình 2008/2009 đến 2010 – Các địa điểm của Florida

<b>Địa điểm</b>	<b>Tháng 1 – Tháng 5</b>	<b>Tháng 6 – Tháng 9</b>
Panhandle	-6%	-5%
Collier (Naples)	-17%	-7%
Hillsborough (Tampa)	-12%	-8%
Các hạt ven biển phía tây khác	-5%	-1%
Các hạt Florida khác	-17%	-12%

# Thay đổi Phần trăm Doanh thu Thuế Bán hàng cho ngành Đại lý Hải sản: Trung bình 2008/2009 đến 2010 – Các địa điểm của Florida

<b>Địa điểm</b>	<b>Tháng 1 – Tháng 5</b>	<b>Tháng 6 – Tháng 9</b>
Panhandle	-32%	38%
Collier (Naples)	11%	17%
Hillsborough (Tampa)	-6%	-9%
Các hạt ven biển phía tây khác	287%	146%
Các hạt Florida khác	-13%	7%

## Thay đổi Phần trăm Doanh thu Thuế Bán hàng cho các Lĩnh vực Được chọn: Trung bình 2008/2009 đến 2010 – Các Hạt Bờ biển Texas

Lĩnh vực	Tháng 1 – Tháng 5	Tháng 6 – Tháng 9
Xây dựng	-36%	-18%
Bất động sản, cho thuê	-27%	-12%
Nghệ thuật, Giải trí, và Tiêu khiển	-10%	-2%
Dịch vụ Nhà ở và Ăn uống	0%	2%

# Thay đổi Doanh thu Thuế: Trung bình 2008/2009 đến 2010 – Bờ biển Vùng Vịnh và Bãi biển Orange tại Alabama

<b>Nhóm Doanh thu Thuế</b>	<b>Tháng 1 – Tháng 5</b>	<b>Tháng 6 – Tháng 8</b>	<b>Tháng 9 – Tháng 10</b>
Thuế Thuê nhà	0,7%	-47,0%	-8,5%
Thuế Bán lẻ	-5,3%	-26,7%	0,3%

## Thay đổi các Chỉ số Du lịch: Trung bình 2008/2009 đến 2010 – Clearwater/St. Petersburg, Florida

Chỉ số	Tháng 1 – Tháng 5	Tháng 6 – Tháng 8	Tháng 9 – Tháng 10
Tổng chi phí	-4,54%	4,93%	-8,48%
Doanh số trên Phòng khả dụng	-8,10%	-0,55%	-6,77%
Tổng số khách	-2,31%	10,29%	-13,69%

## Thay đổi các Chỉ số Du lịch: Trung bình 2008/2009 đến 2010 – Naples, Macro Island, Florida

Chỉ số	Tháng 1 – Tháng 5	Tháng 6 – Tháng 8	Tháng 9 – Tháng 10
Tổng chi phí	-3,31%	-5,47%	11,13%
Doanh số trên Phòng khả dụng	-9,90%	-10,31%	7,31%
Tổng số khách	1,20%	3,89%	5,59%

# Kết luận: Thanh toán của GCCF cho những Người yêu cầu thanh toán đến 7 Tháng Mười hai 2010

- Hoạt động yêu cầu bồi thường gần như thanh toán tất cả tại các hạt ven biển Vùng Vịnh
  - 98% số yêu cầu bồi thường được thanh toán tất cả
  - 97% số tiền được thanh toán tất cả
- Các ngành nhà hàng, đánh bắt cá và bán lẻ chiếm 63% tổng số thanh toán bồi thường
- Gần như không có thanh toán nào cho người yêu cầu bồi thường Texas
- Phân tích theo lĩnh vực
  - Khách sạn – 28% số nhân viên ven biển, 36% số tiền lương trung bình hàng năm
  - Nhà hàng – 16% số nhân viên ven biển, 54% số tiền lương trung bình hàng năm
  - Bán lẻ – 19% số nhân viên ven biển, 44% số tiền lương trung bình hàng năm
  - Đánh bắt cá – 70% số nhân viên/thủy thủ; 229% số tiền lương trung bình hàng năm

# Trải nghiệm Yêu cầu Bồi thường của GCCF đến ngày 7-12-2010: Số tiền đã Thanh toán và số Yêu cầu Bồi thường theo Khu vực Địa lý

Lĩnh vực	Yêu cầu Bồi thường		Thanh toán	
	Hạt Bờ biển	Tất cả các hạt khác	Hạt Bờ biển	Tất cả các hạt khác
Bán lẻ	98,7%	1,3%	98,5%	1,5%
Đánh bắt cá	91,0%	9,0%	92,3%	7,7%
Chế biến/Phân phối hải sản	93,7%	6,3%	94,0%	6,0%
Khách sạn	99,7%	0,3%	99,2%	0,8%
Xây dựng	98,3%	1,7%	98,4%	1,6%
Nhà hàng	99,2%	0,8%	99,2%	0,8%
Du lịch/Giải trí	99,4%	0,6%	99,2%	0,8%
Tài sản cho thuê	99,9%	0,1%	99,9%	0,1%
Đánh bạc	90,0%	10,0%	97,0%	3,0%
Ngành khác	89,2%	10,8%	89,7%	10,3%
Bất động sản	97,8%	2,2%	95,5%	4,5%
<b>Tổng cộng</b>	<b>97,9%</b>	<b>2,1%</b>	<b>97,1%</b>	<b>2,9%</b>



# Trải nghiệm Yêu cầu Bồi thường của GCCF đến ngày 7-12-2010: Số tiền đã thanh toán và Yêu cầu bồi thường theo Lĩnh vực

Giá trị “Tổng” tính theo đơn vị Triệu								
Lĩnh vực	Doanh nghiệp			Cá nhân			Tất cả YCBT	
	YCBT	Số tiền Thanh toán		YCBT	Số tiền Thanh toán		YCBT	Tổng Thanh toán
		Tổng	Trung bình		Tổng	Trung bình		
Nhà hàng	2.996	\$165,8	\$55.332	47.287	\$348,1	\$7.361	50.283	\$513,8
Đánh bắt cá	9.179	\$363,3	\$39.575	8.001	\$127,7	\$15.960	17.180	\$491,0
Bán lẻ	9.521	\$274,6	\$28.842	25.929	\$186,6	\$7.198	35.450	\$461,2
Xây dựng	4.811	\$160,9	\$33.440	9.560	\$99,9	\$10.448	14.371	\$260,8
Tài sản cho thuê	11.321	\$161,2	\$14.237	2.226	\$20,3	\$9.125	13.547	\$181,5
Khách sạn	775	\$54,4	\$70.172	15.649	\$120,1	\$7.676	16.424	\$174,5
Chế biến/Phân phối hải sản	831	\$80,6	\$96.939	4.602	\$50,2	\$10.907	5.433	\$130,8
Du lịch/Giải trí	590	\$33,5	\$56.834	3.052	\$28,3	\$9.276	3.642	\$61,8
Ngành khác	409	\$14,9	\$36.461	2.063	\$35,1	\$17.011	2.472	\$50,0
Bất động sản	52	\$1,4	\$27.125	38	\$0,5	\$13.087	90	\$1,9
Đánh bạc	0	\$0,0	\$0	10	\$0,1	\$10.000	10	\$0,1
<b>Tổng số</b>	<b>40.485</b>	<b>\$1.310,5</b>	<b>\$32.370</b>	<b>118.417</b>	<b>\$1.016,9</b>	<b>\$8.587</b>	<b>158.902</b>	<b>\$2.327,4</b>

# Trải nghiệm Yêu cầu Bồi thường của GCCF đến ngày 7-12-2010: Số tiền đã thanh toán và Yêu cầu bồi thường theo Tiểu bang

Giá trị “Tổng” tính theo đơn vị Triệu								
Tiểu bang	Doanh nghiệp			Cá nhân			Tất cả YCBT	
		Số tiền Thanh toán			Số tiền Thanh toán			Tổng Thanh toán
	YCBT	Tổng	Trung bình	YCBT	Tổng	Trung bình	YCBT	
Alabama	8.804	\$252,4	\$28.665	16.690	\$162,0	\$9.704	25.494	\$414,3
Florida	17.624	\$497,6	\$28.235	45.545	\$359,6	\$7.895	63.169	\$857,2
Louisiana	10.464	\$420,7	\$40.201	44.742	\$397,2	\$8.879	55.206	\$817,9
Mississippi	2.735	\$105,6	\$38.624	10.362	\$84,9	\$8.192	13.097	\$190,5
Texas	714	\$29,7	\$41.535	889	\$11,6	\$13.053	1.603	\$41,3
Các bang khác	144	\$4,6	\$31.622	189	\$1,6	\$8.656	333	\$6,2
<b>Tổng số</b>	<b>40.485</b>	<b>\$1.310,5</b>	<b>\$32.370</b>	<b>118.417</b>	<b>\$1.016,9</b>	<b>\$8.587</b>	<b>158.902</b>	<b>\$2.327,4</b>

# Khách sạn: Trải nghiệm Yêu cầu Bồi thường của GCCF đến ngày 7-12-2010; Chỉ dành cho các hạt ven biển

TIỂU BANG	Dữ liệu YCBT của GCCF			Dữ liệu Điều tra			
				Nhân viên		Tiền lương	
	Số YCBT	Tổng số Thanh toán	Thanh toán Trung bình	Đếm	Phần trăm Thanh toán	Trung bình	Phần trăm Thanh toán
AL	1.161	\$8.734.200	\$7.523	3.111	37%	\$18.873	40%
FL	7.791	\$56.485.600	\$7.250	38.350	20%	\$21.242	34%
LA	6.035	\$51.208.700	\$8.485	12.121	50%	\$24.149	35%
MS	618	\$3.434.700	\$5.558	1.454	43%	\$15.422	36%
Khác/Không biết	44	\$251.900	\$5.725	na	na	na	na
<b>Tổng số</b>	<b>15.649</b>	<b>\$120.115.100</b>	<b>\$7.676</b>	<b>55.035</b>	<b>28%</b>	<b>\$21.595</b>	<b>36%</b>

# Nhà hàng: Trải nghiệm Yêu cầu Bồi thường của GCCF đến ngày 7-12-2010; Chỉ dành cho các hạt ven biển

TIỂU BANG	Dữ liệu YCBT của GCCF			Dữ liệu Điều tra			
				Nhân viên		Tiền lương	
	Số YCBT	Tổng số Thanh toán	Thanh toán Trung bình	Đếm	Phần trăm Thanh toán	Trung bình	Phần trăm Thanh toán
AL	5.414	\$43.393.000	\$8.015	20.719	26%	\$11.710	68%
FL	19.875	\$150.882.200	\$7.592	189.064	11%	\$13.697	55%
LA	17.964	\$129.628.300	\$7.216	63.820	28%	\$14.191	51%
MS	3.698	\$22.393.100	\$6.055	11.478	32%	\$12.147	50%
Khác/Không biết	336	\$1.768.100	\$5.262	na	na	na	na
<b>Tổng số</b>	<b>47.287</b>	<b>\$348.064.700</b>	<b>\$7.361</b>	<b>285.080</b>	<b>16%</b>	<b>\$13.601</b>	<b>54%</b>

## Bán lẻ: Trải nghiệm Yêu cầu Bồi thường của GCCF đến ngày 7-12-2010; Chỉ dành cho các hạt ven biển

TIỂU BANG	Dữ liệu YCBT của GCCF			Dữ liệu Điều tra			
				Nhân viên		Tiền lương	
	Số YCBT	Tổng số Thanh toán	Thanh toán Trung bình	Đếm	Phần trăm Thanh toán	Trung bình	Phần trăm Thanh toán
AL	4.267	\$38.666.000	\$9.062	8.755	49%	\$17.627	51%
FL	9.118	\$65.750.500	\$7.101	94.239	10%	\$17.827	40%
LA	9.622	\$63.903.400	\$6.641	26.343	37%	\$16.769	40%
MS	2.600	\$17.026.000	\$6.548	4.363	60%	\$16.865	39%
Khác/Không biết	322	\$2.285.200	\$7.097	na	na	na	na
<b>Tổng số</b>	<b>25.929</b>	<b>\$186.631.100</b>	<b>\$7.198</b>	<b>133.700</b>	<b>19%</b>	<b>\$17.574</b>	<b>41%</b>

# Đánh bắt cá: Trải nghiệm Yêu cầu Bồi thường của GCCF đến ngày 7-12-2010

TIỂU BANG	Dữ liệu YCBT của GCCF			Dữ liệu Điều tra			
				Chủ thuyền/Thuyền trưởng/Thuyền viên		Thu nhập	
	Số YCBT	Tổng số Thanh toán	Thanh toán Trung bình	Đếm	Phần trăm Thanh toán	Trung bình	Phần trăm Thanh toán
AL	1.744	\$44.365.400	\$25.439	1.418	123%	\$13.635	187%
FL	4.310	\$97.471.200	\$22.615	1.650	261%	\$19.343	117%
LA	8.049	\$262.456.400	\$32.607	14.927	54%	\$11.131	293%
MS	1.712	\$49.422.600	\$28.868	2.027	84%	\$11.849	244%
TX	1.241	\$33.896.000	\$27.313	4.998	25%	\$14.077	194%
Khác/Không biết	124	\$3.339.300	\$26.930	na	na	na	na
<b>Tổng số</b>	<b>17.180</b>	<b>\$490.950.900</b>	<b>\$28.577</b>	<b>25.019</b>	<b>69%</b>	<b>\$12.461</b>	<b>229%</b>

<b>Phục hồi từ các Sự kiện Ảnh hưởng đến Du lịch</b>					
Bội số Bao hàm	<u>1 năm</u> 0,00	<u>2 năm</u> 0,46	<u>3 năm</u> 0,95	<u>4 năm</u> 1,46	<u>5 năm</u> 2,00
Kinh tế học Oxford	-- Tác động Dự tính của Trần Dầu Vùng Vịnh (15 hoặc 36 tháng) --  15 tháng = 0,29 Số nhân Ước tính 36 tháng = 0,88				
Xem lại Tài liệu	SARS – Korea (Kim, Chun & Lee) <sup>-3</sup> SARS – Hong Kong (Lo, Cheung & Law) <sup>4</sup> SARS – Hong Kong (Siu & Wong) <sup>5</sup> SARS – Taiwan <sup>6</sup> (Mao, Ding & Lee) <sup>7</sup> Đánh bom 2002 tại Bali (Pambudi, McCaughey & Smyth) <sup>8</sup> Bệnh lở mồm long móng – Anh (Blake, Sinclair & 11/9 –DC Hotels (Stafford, Yu & Armoo) <sup>10</sup> Tổn thất của bão, ví dụ Katrina(Oxford) <sup>2</sup> Tổn thất của bệnh dịch (Oxford) <sup>2</sup> Tổn thất của Sóng thần (Oxford) <sup>2</sup>	SARS – Taiwan <sup>11</sup> (Mao, Ding & Lee) <sup>7</sup> Sự nổ rộ của tảo có hại – Adriatic (Becheri) <sup>12</sup> Exxon Valdez (Oxford) <sup>2</sup> Tổn thất của tấn công khủng bố (Oxford) <sup>2</sup>	Trần dầu IXTOC (Restrepo) <sup>13</sup> Trần dầu IXTOC (Oxford) <sup>2</sup> 11/9 – New York (Oxford) <sup>2</sup>	Katrina (Oxford) <sup>2</sup>	11/9 – US (Bonham) <sup>14</sup>
Phân tích theo Kinh nghiệm (Dữ liệu Người đến)	SARS (Malaysia, Singapore)	SARS (Hong Kong, Taiwan)			11/9 (US)

# Các Sự kiện Ảnh hưởng đến Du lịch (Ghi chú cuối trang)

Ghi chú:

- 1- Bội số bao hàm được tính toán dựa trên các quãng thời gian khác nhau và đường phục hồi tương tự như đường được tìm thấy trong dữ liệu người đến Sau 11/9 tại Mỹ, và trong các báo cáo Kinh tế Oxford.
- 2- Oxford Economics, “Potential Impact of the Gulf Oil Spill on Tourism,” prepared for the US Travel Association, July 2010.
- 3- Kim, Chun & Lee, “Effects of SARS on the Korean Hotel Industry and Measures to Overcome the Crisis: A Case Study of Six Korean Five-Star Hotels,” Asia Pacific Journal of Tourism Research 10(4) December 2005.
- 4- Lo, Cheung & Law, “The Survival of Hotels During Disaster: A Case Study of Hong Kong in 2003,” Asia Pacific Journal of Tourism Research 11(1) March
- 5- Siu & Wong, “Economic Impact of SARS: The Case of Hong Kong,” White Paper 2004.
- 6- Thời gian tác động lên Đài Loan đối với khách du lịch từ Hong Kong và Mỹ là 1 năm hoặc ngắn hơn.
- 7- Mao, Ding & Lee, “Post-SARS tourist arrival recovery patterns: An Analysis based on a catastrophe theory,” Tourism Management 31(2010) 855-861.
- 8- Pambudi, McCaughey & Smyth, “Computable general equilibrium estimates of the impact of the Bali bombing on the Indonesian economy,” Tourism Management 30(2009).
- 9- Blake, Sinclair & Sugiyarto, “Quantifying the impact of foot and mouth disease on tourism and the UK economy,” Tourism Economics 9(4) 2009: 449-
- 10- Stafford, Yu & Armoo, “Crisis Management and Recovery: How Washington, D.C., Hotels Responded to Terrorism,” Cornell Hotel and Restaurant Administration Quarterly 43(5): Oct. 2002.
- 11- Thời gian tác động lên Đài Loan đối với khách du lịch từ Nhật Bản lớn hơn 1 năm nhưng dưới 2 năm.
- 12 - Becheri, “Rimini and Co - the end of a legend? Dealing with the algae effect,” Tourism Management, Sept. 1991.
- 13- Restrepo & Associates, “IXTOC I Oil Spill Economic Impact Study,” 1982.
- 14- Bonham et al’s paper, in January 2006, suggested that 4+ years later, “recovery of international travel to the U.S. may be a long way off.” Bonham, Edmonds & Mak, “The Impact of 9/11 and Other Terrible Global Events on Tourism in the U.S. and Hawaii,” Working Paper No. 06-2, Jan. 2006.



# Phương pháp Tiếp cận Đền bù

- Người yêu cầu bồi thường được đền bù cho cả:
  - Các Thiệt hại Thực tế Theo Tài liệu 2010
    - Các thiệt hại phải gánh chịu trong giai đoạn từ khi các thiệt hại này bắt đầu cho đến 31 Tháng 12 năm 2010
    - Dựa trên so sánh với giai đoạn lịch sử (nói chung là 2008 – 2009)
  - Thiệt hại trong tương lai
    - Các thiệt hại được dự tính xảy ra sau 31 tháng 12 năm 2010
      - Được dựa trên nhiều Thiệt hại Thực tế Theo tài liệu cho đến kết thúc năm 2010
      - Hệ số nhân (Hệ số Phục hồi Tương lai) là 1,0 (3,0 cho các cá nhân và doanh nghiệp đánh bắt hải sản).
- Thanh toán Cuối cùng là tổng của:
  - Các Thiệt hại Thực tế Theo tài liệu 2010
  - Các Thiệt hại Tương lai
  - Trừ: Các đền bù khác (BP, GCCF, Bồi thường cho Người lao động, v.v.)